

THÔNG BÁO

Về việc mời đơn vị tham gia báo giá: tư vấn Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm vật tư y tế, sinh phẩm y tế, hóa chất xét nghiệm năm 2026-2028

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 06 năm 2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 12 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định 186/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý sử dụng tài sản công;

Căn cứ chứng thư thẩm định giá Số: 171/2026/05051/CT-VALU ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn Thẩm định giá Việt Nam;

Bệnh viện Đa khoa khu vực Nà Chì thông báo đến các đơn vị tư vấn có năng lực tham gia báo giá để phục vụ việc lựa chọn đơn vị tư vấn và lập dự toán gói thầu: Mua sắm vật tư y tế, sinh phẩm y tế, hóa chất xét nghiệm năm 2026-2028. (Có danh mục chi tiết kèm theo).

Tổng giá trị gói thầu được thẩm định giá là: **5.065.943.010** đồng. (Số tiền bằng chữ: Năm tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn không trăm mười đồng./.)

TT	Nội dung công việc	Khối lượng
01	Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu: Mua sắm vật tư y tế, sinh phẩm y tế, hóa chất xét nghiệm năm 2026-2028	01 gói
02	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm vật tư y tế, sinh phẩm y tế, hóa chất xét nghiệm năm 2026-2028	01 gói

Khi nhận được Thông báo này, các đơn vị tư vấn có nhu cầu tham gia đề nghị gửi 01 bộ hồ sơ về Bệnh viện Đa khoa khu vực Nà Chì Thôn phố, xã Khuôn Lùng, tỉnh Tuyên Quang trước 17h00 ngày 20/6/2026. Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị tham gia tư vấn;
- Báo giá phí dịch vụ tư vấn;
- Hồ sơ năng lực của đơn vị.

Bệnh viện Đa khoa khu vực Nà Chì tỉnh Tuyên Quang trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website bệnh viện;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Ma Trung Nghĩa

DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG

Gói thầu: Mua sắm vật tư y tế, sinh phẩm y tế, hóa chất xét nghiệm năm 2026-2028

(Kèm theo Thông báo số: /TB-BVĐKKVNC ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đà Nẵng)

TT	Tên hàng hóa mời thầu	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng đấu thầu sử dụng 2026 - 2028	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	Phần 1. Băng, băng, gạc				
1	Bông hút Y tế	Tốc độ hút nước =< 8,0 giây. Bông Y tế 100% bông xơ tự nhiên, có tiết trùng	Kg	120	
2	Băng bó Bột cỡ 15cm x 4,6m	Băng được cuộn, chiều dài 4,6m, chiều rộng 15cm. Băng bó Bột làm bằng chất liệu cotton dễ thấm hút nước mềm màu trắng.	Cuộn	500	
3	Băng cuộn 10cm x 5 m	Kích thước 10cm x 5m. Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton, tiết trùng, Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cuộn	1.200	

4	Băng dính các loại, các cỡ KT 2,5 x 9,1m	<ul style="list-style-type: none"> - KT 2,5cm x 9,1m. Băng có cấu tạo nền vải lụa acetate taffeta mịn, - Phủ lớp keo Acrylate không chứa mủ cao su, độ dính tốt, ít gây dị ứng và không sót keo khi tháo băng ra. - Có thể được xé theo 2 chiều một cách dễ dàng và thuận tiện - Bền chắc, thông thoáng cho da. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	Cuộn	1.500	
5	Bông gạc đắp vết thương 6 x 15cm vô trùng	Kích thước 6cm x 15cm. Sản phẩm được làm từ 2 lớp vải không dệt hút nước bên ngoài, và 1 lớp đệm bông tự nhiên tinh chế (100% cotton) ở giữa. Vô trùng.	Miếng	3.000	
6	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 6 lớp	Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Kích thước miếng gạc: $\geq 30\text{cm} \times 40\text{cm} \times 6$ lớp.	Miếng	3.000	
7	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 8 lớp vô trùng	Làm bằng sợi 100% cotton. Kích thước 10cm x 10cm x 8 lớp. vô trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Miếng	6.500	
8	Gạc mét	Khô $\geq 0,8\text{m}$. Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. Mật độ: 20x18 sợi/ inch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	Mét	2.000	
Phần 2. Bơm các loại					

9	Bơm cho ăn 50ml	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Dung tích: 50ml - Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn. - Bơm có có thiết kế lỗ vòng ngón tay ở cuối giúp cầm, kéo chắc chắn chống trượt. Thang chia thể tích được chia theo oz và cc. - Tiệt trùng - Đạt tiêu chuẩn: FDA, ISO 13485 	Cái	200	
10	Bơm tiêm Insulin 1ml/40UI	<p>Bơm tiêm dung tích 1ml dùng để tiêm insulin, có nắp chụp bảo vệ đầu kim và nắp chụp pít tông để ngăn dị vật vào lòng bơm khi sử dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bơm tiêm có 2 loại phù hợp với 2 loại thuốc 40UI và 100UI. - Kim tiêm bao gồm các cỡ: 30Gx6mm, 31Gx6mm, 32Gx6mm - Sản phẩm được tiệt trùng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Xuất xứ: Việt Nam 	Cái	500	
11	Bơm tiêm 50ml	Bơm tiêm 50 ml, vô trùng dùng một lần, thân nhựa y tế trong suốt, vạch chia rõ ràng, piston kín khí. Đạt tiêu chuẩn CE, Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	700	
12	Bơm tiêm 20ml	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt.- Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa.- Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đui khí dễ dàng, thuận tiện- Kim các cỡ 23Gx1"- Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485- Xuất xứ: Việt Nam 	Cái	1.500	

13	Bơm tiêm 10ml	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt. Dung tích: 10ml - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất $\leq 0,2\text{ml}$ - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba via. - Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 - Xuất xứ: Việt Nam 	Cái	50.000	
14	Bơm tiêm 5ml	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt. Dung tích: 5ml - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba via. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml - Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 - Xuất xứ: Việt Nam 	Cái	90.000	
15	Bơm tiêm 1ml	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt. Dung tích: 1ml - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết $\leq 0,03\text{ml}$ - Kim 26Gx1/2" - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 	Cái	300	
	Phần 3. Kim các loại				
16	Kim cánh bướm	<p>Kim cánh bướm vô trùng dùng một lần, các cỡ, kim thép không gỉ phủ silicon giúp giảm đau khi chọc kim. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn CE, Đạt tiêu chuẩn ISO 9001.</p>	Cái	17.000	

17	Kim luân tĩnh mạch Có cửa có cánh các số	Kim luân tĩnh mạch chất liệu FEP. Kim có cánh có cửa tiêm thuốc. Đầu bảo vệ an toàn chất liệu (PA,PC,PSF). Đầu bịt an toàn chứa 2 lưới uốn cong đối diện nhau, tự động bắt chéo che đầu nhọn kim sau khi rút kim. Có khả năng lưu kim được đến 96h. Tương thích với tiêm truyền áp lực cao tối đa lên đến 325psi. Được tiệt trùng bằng EO. Thân catheter không chứa kim loại, sử dụng được trong phòng MRI. Có tâm lọc xấp ở cuối kim. Các cỡ: 14G x 1- ³ / ₄ " (O.D: 2.0 x 45 mm, 290ml/min)16G x 1- ³ / ₄ " (O.D: 1.75 x 45 mm, 225ml/min)18G x 1- ³ / ₄ " (O.D: 1,3 x 45 mm, 96ml/min)20G x 1- ¹ / ₄ " (O.D: 1,0 x 32 mm, 59ml/min)22G x 1" (O.D: 0.9 x 25 mm, 42ml/min)24G x 3/4" (O.D: 0.74 x 19 mm, 29ml/min)Ưu tiên sản phẩm có xuất xứ từ các nước G7. Đạt tiêu chuẩn MDSAP ISO 13485, EU (MDR) hoặc tương đương	Cái	20.000	
18	Kim lấy thuốc	Kim lấy thuốc vô trùng dùng một lần, kim thép không gỉ sắc bén, các cỡ 18G, 20G, 21G, dễ dàng hút thuốc từ lọ. Đạt tiêu chuẩn CE, Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	22.000	
19	Kim chọc dò gây tê tủy sống các số	<ul style="list-style-type: none"> - Kim chọc dò gây tê tủy sống các cỡ 18,20,25,27. - Đầu kim 3 mặt vát. - Chuôi kim trong suốt, có phản quang. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương 	Cái	300	

20	Kim quang dùng cho máy Laser nội mạch	Kim quang vô trùng dùng cho máy Laser nội mạch, Kim quang được làm từ chất liệu ETFE mềm, dẻo. Đường kính sợi quang: 0,5mm. Chiều dài sợi quang: 4mm. Cỡ kim 22G. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	600	
21	Kim châm cứu các loại, các cỡ	- Kích cỡ: 0.30x13mm; 0.30x25mm; 0.30x30mm; 0.30x40mm; 0.30x50mm; 0.30x60mm; 0.30 x 75mm.- Cán kim (đốc kim): được cuốn bằng sợi thép không gỉ.- Thân kim châm cứu được chế tạo bằng sợi thép không gỉ.- Kim châm cứu dùng một lần là sản phẩm vô trùngĐạt tiêu chuẩn FDA; ISO 13485:2016	Cái	30.000	
22	Kim khâu da các số	Kim khâu da các số, Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	100	
Phần 4. Dây, Ống, lọ, túi các loại					
23	Bộ dây truyền dịch và kim cánh bướm	Bộ dây truyền dịch và kim cánh bướm vô trùng dùng một lần: Có van khóa điều chỉnh, kim cánh bướm các cỡ; buồng nhỏ giọt nhựa ABS nguyên sinh, dây dẫn nhựa PVC nguyên sinh, chiều dài dây ≥ 1500 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương	Bộ	28.000	
24	Dây truyền máu	Dây chất liệu PVC dài ≥ 150 cm, chống xoắn. Có đầu nối thông với bộ lọc micron và kim tiêm. Cỡ kim 18G, không chứa Pyrogenic. Tiệt trùng bằng ETO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương	Bộ	50	

25	Dây nối bơm tiêm điện	<ul style="list-style-type: none"> - Mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn, dài ≥ 140cm - Thể tích mỗi dịch 1ml - Đường kính trong: 0.9 mm. Đường kính ngoài: 1.9mm - Tốc độ 0.9ml/m : áp lực 2 bar - Đầu nối Luer Lock, có khóa dừng - Dây Chất liệu PVC. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương 	Cái	200	
26	Túi máu đơn 250ml	<p>Túi máu đơn dung tích lưu trữ 250ml. Kim lấy máu cỡ 16G, có nắp đậy. Nhãn túi có barcode theo chuẩn ISBT 128 Đóng gói 2 lớp gồm có túi nhôm bao ngoài; 3-5 túi/túi nhôm; túi máu chưa sử dụng có thể lưu trữ đến 15 ngày sau khi bóc túi nhôm. Chiều dài dây lấy máu 950mm, có 13 mã số. Ống dây có đường kính ngoài 4.5 mm, đường kính trong 3.0 mm Túi chứa 35 ml dung dịch chống đông CPDA-1, dùng để thu thập máu toàn phần. Dung dịch CPDA-1 giúp bảo quản máu toàn phần lên đến 35 ngày ở $4^{\circ}\text{C} \pm 2^{\circ}\text{C}$. Bảo quản được trong nhiệt độ từ 0 đến 30 độ C; độ ẩm <90%. Sức bền ly tâm: 5000xg trong 10 phút Sức bền áp lực: 0.7 kg/cm² trong 10 phút Sức bền nhiệt độ: từ -80oC đến $37^{\circ}\text{C} \pm 2^{\circ}\text{C}$ Hạn sử dụng 03 năm</p>	Túi	50	
27	Túi đựng nước tiểu	Dung tích 2000ml, có bảng ghi thông tin bệnh nhân; Van xả thoát đáy chữ T có quai treo hoặc không có quai treo; Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Bộ	500	

28	Túi ép nhiệt độ cao loại 100mm x100m	Có >= 3 đường hàn nhiệt chắc chắn, đảm bảo chất lượng bao bì trong quá trình sử dụng. Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy, 1 lớp phim. Lớp giấy có mật độ giấy 60 g/m ² , màng film hai lớp: PET dày 12 μm và CPP dày 40 μm. Phù hợp cho tiệt trùng bằng hơi nước, khí EO và Formaldehyde. Lực vết dán đo theo ASTM F88 >4.5 N/15mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485.	Cuộn	15	
29	Túi ép nhiệt độ cao loại 200mm x100m	Có >= 3 đường hàn nhiệt chắc chắn, đảm bảo chất lượng bao bì trong quá trình sử dụng. Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy, 1 lớp phim. Lớp giấy có mật độ giấy 60 g/m ² , màng film hai lớp: PET dày 12 μm và CPP dày 40 μm. Phù hợp cho tiệt trùng bằng hơi nước, khí EO và Formaldehyde. Lực vết dán đo theo ASTM F88 >4.5 N/15mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485.	Cuộn	15	
30	Túi ép nhiệt độ cao loại 300mm	Có >= 3 đường hàn nhiệt chắc chắn, đảm bảo chất lượng bao bì trong quá trình sử dụng. Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy, 1 lớp phim. Lớp giấy có mật độ giấy 60 g/m ² , màng film hai lớp: PET dày 12 μm và CPP dày 40 μm. Phù hợp cho tiệt trùng bằng hơi nước, khí EO và Formaldehyde. Lực vết dán đo theo ASTM F88 >4.5 N/15mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485.	Cuộn	15	
31	Sonde dạ dày	Các cỡ. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	240	

32	Sonde dẫn lưu ổ bụng các số	Chất liệu PVC y tế. Dẫn lưu ổ bụng, dẫn lưu ngoài. Màu trắng tự nhiên, ống dây mềm dẻo.. Được tiệt trùng bằng EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	140	
33	Dây hút dịch	Các số 5, 6,8,10,12,14,16,18. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Độ dài 500mm. Gồm 2 loại có nắp hoặc không có nắp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	100	
34	Dây Oxy 2 nhánh các số	Được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC, dây mềm, thành trong lòng ống dây có hình sao có tác dụng trống không bị tắc nghẽn khí oxy khi ống dây bị đè bẹp hay bị gãy gập, một đầu gắn phễu, một đầu gắn co 2 nhánh. Chiều dài ≥ 185 cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	700	
35	Sonde tiểu 2 nhánh các số	Các số, ống thông Foley được làm từ chất liệu cao su y su tự nhiên trắng Silicon trong lòng, không gây dị ứng. Bóng hãm (Cuff) đàn hồi tốt, an toàn, bóng căng đều, không bị vỡ, bị dính khi đặt lâu. Bóng có dung tích từ 5cc-30cc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	700	
36	Sonde Nelaton các số	Chiều dài của ống: 40mm. Được sản xuất từ cao su tự nhiên. Được tiệt trùng bằng khí EO.	Cái	120	

37	Mặt nạ thở Oxy	<p>Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh không chứa độc tố, màu trắng trong, không có chất tạo màu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dây dẫn có chiều dài ≥ 2.1m, lòng ống có khóa chống gập được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khí mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: S, M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, EN ISO 11135:2014 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Đạt tiêu chuẩn FDA do cơ quan Quản lý Thực phẩm và Thuốc Hoa Kỳ (FDA) công bố 	Bộ	150	
38	Mặt nạ xông khí dung		Bộ	4.500	

		Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh. Có bộ khí dung. - Dây dẫn có chiều dài $\geq 2.1\text{m}$, lòng ống có khóa chống gập được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: S, M, L, XL. - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)- Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, EN ISO 11135:2014 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp). Xuất xứ: Việt Nam			
39	Ống nghiệm chống đông EDTA-K2	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP , kích thước ống 12x75mm. Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	16.000	
40	Ống nghiệm nước tiểu	Chất liệu: Polypropylene, thể tích tối đa 10ml. Kích thước phi 1.6 x 10cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	3.000	
41	Ống nghiệm Heparin	Ống nghiệm nhựa kích thước 12x75 mm, sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh không độc , hóa chất bên trong là Heparin Lithium ở dạng khô kháng đông cho 2ml máu. Sản xuất tại Việt Nam. Đạt các tiêu chuẩn: EN ISO 13485:2016-TUV; ISO 9001:2015; CE	Cái	10.000	

42	Ống đặt nội khí quản có bóng các số	Ống đặt nội khí quản có bóng, làm bằng chất liệu nhựa PVC, Bóng thể tích lớn áp lực thấp an toàn khi lưu lâu. Độ cong tương thích sinh học, có đường cản quang đậm dọc ống. Các số. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Các cỡ dùng cho trẻ sơ sinh, trẻ em, người lớn.	Cái	240	
Phần 5. Chỉ các loại					
43	Chỉ khâu không tiêu Nylon số 2/0 dài 75cm	Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả, mũi vuốt nhọn UltraGlyde. Chứng nhận ISO 13485	Sợi	240	
44	Chỉ khâu không tiêu Nylon số 3/0 dài 75cm	Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả, mũi vuốt nhọn UltraGlyde		240	
45	Chỉ catgut Chrom số 1	Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut số 1. Chỉ dài 75 cm, kim tròn 1/2C 40mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Sợi	110	
46	Chỉ catgut Chrom số 2	Chất liệu muối Chrom và collagen tinh chế. Số 2/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Sợi	110	

47	Chỉ khâu liền kim Polyglactin 910 số 1 dài 90cm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, phủ Poly(glycolide-co-L-lactide) (30/70) và Calcium Stearate, số 1, dài 90 cm, (duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày), kim tròn 1/2c, dài 40 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat. (Chứng nhận FDA tương đương Vicryl, không độc tính, không gây kích ứng)	sợi	240	
48	Chỉ khâu liền kim Polyglactin 910 số 2 dài 90cm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 2/0, dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 36 mm, vô trùng, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Sợi chỉ chắc, dễ uốn, đàn hồi tốt, không bị đứt, không gây kích ứng với cơ thể. Thời gian tan hoàn toàn (phân hủy bởi quá trình thủy phân) từ 56 đến 70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Duy trì sức căng: 60-75% sau 2 tuần, 40-50% sau 3 tuần, 25% sau 4 tuần. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat Được cấu thành từ một copolymer có thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide. Được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate (1-5% tùy cỡ chỉ) giúp tăng độ trơn và chống sờn chỉ Chỉ được nhuộm màu tím (FDA D&C Violet No. 2 - CI 60725) hoặc không nhuộm (Undyed) Không chứa nấm mốc, độc tố và chất gây sốt.	Sợi	380	
49	Chỉ khâu liền kim Polyglactin 910 số 3/0 dài 75cm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, phủ Poly(glycolide-co-L-lactide) (30/70) và Calcium Stearate, số 3/0, dài 75 cm, (duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày), kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 30 phủ silicon. (Chứng nhận FDA tương đương Vicryl, không độc tính, không gây kích ứng)	Sợi	360	
	Phần 6. Phim Xquang Tương thích máy Fujifilm				

50	Phim khô y tế 25cm x 30cm	Phim khô Laser cỡ 25cm x 30cm, sử dụng công nghệ ECO Dry hoặc tương đương thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Mật độ tối đa 3.3. Đạt tiêu chuẩn ICE, ISO 13485	Tờ	24.000	
	Phần 7. Sinh phẩm y tế				
51	Chỉ thị hóa học đơn thông số dùng cho tiệt khuẩn hơi nước (hấp ướt)	<p>Chỉ thị hóa học hơi nước nhóm 5 sử dụng để giám sát chất lượng tiệt khuẩn bên trong mỗi gói dụng cụ</p> <ul style="list-style-type: none"> • Kích thước: 5.1cm x 1.9cm • Hiệu suất tương quan với một chỉ thị sinh học • Kiểm soát chất lượng tiệt khuẩn gói dụng cụ của tất cả các chu trình tiệt khuẩn bằng hơi nước từ 121–135°C • Chỉ báo sẽ không thay đổi trực quan trong vòng 6 tháng khi được bảo quản ở các điều kiện theo hướng dẫn • Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> - Giấy 55-65%, Acrylate Adhesive 35-45%, Nhôm <0.1%, Polypropylene <0.1%, Coatings <0.01%, Mực <0.1% - Sản phẩm không chứa chì • Là chỉ thị tích hợp loại 5 được phân loại theo ISO 11140-1:2014. • Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485-2016 hoặc tương đương <p>Hộp 500 miếng</p>	Hộp/Gói	4	

52	Chỉ thị hóa học đa thông số (Hấp ướt)	<p>Chỉ thị hoá học Type 4 được thiết kế để theo dõi hiệu quả tiệt khuẩn hơi nước ở nhiệt độ 121-134°C, giúp đánh giá hiệu quả tiệt khuẩn.- Dải chỉ thị được cấu tạo từ vật liệu nền và mực chỉ thị hoá học có phản ứng với các thông số tiệt khuẩn cụ thể (nhiệt độ, thời gian- Nhiệt độ lưu trữ: 15°C - 30°C - Độ ẩm tương đối: 30% - 80%- Kích thước: 1,5cm x 20cm- Thành phần: Giấy y tế 80%, mực chỉ thị 10%, màng trong suốt thoáng khí 10%- Chỉ thị chuyển màu rõ ràng từ xanh sang đen khi chu trình tiệt khuẩn đạt yêu cầu (121°C - 12 phút, 134°C - 4 phút)- Hạn sử dụng: 3 năm- Nhà máy sản xuất đạt chứng nhận: ISO 13485, ISO 9001- Sản phẩm tuân thủ theo tiêu chuẩn: ISO 11140-1:2014- Đáp ứng yêu cầu của Medical Device Regulation (MDR) 2017/745 EU (EC DOC)</p>	Hộp/Gói	4	
----	---------------------------------------	---	---------	---	--

53	Băng chỉ thị hấp ướ	<ul style="list-style-type: none"> • Kích thước: 24mm x 55m • Sử dụng cho gói dụng cụ tiệt khuẩn bằng hơi nước trong các quy trình tiệt khuẩn hơi nước 250°F/121°C, 270°F/132°C, 273°F/134°C và 275°F/135°C • Vạch chỉ thị hóa chất sẽ hiển thị sự thay đổi màu sắc trực quan từ trắng / nâu nhạt sang nâu sẫm / đen khi tiếp xúc với quy trình tiệt khuẩn bằng hơi nước. • Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> - Giấy crepe bão hoà 40-50%, Chất kết dính 10-20%, Acrylic Polymer 2-5%, Mực chỉ thị hơi nước 0.5-2%. - Không chứa mủ cao su tự nhiên. - Mực chỉ thị hóa học, được in theo kiểu sọc chéo, không chứa chì. • Đạt tiêu chuẩn chứng nhận FDA, ISO 13485-2016 hoặc tương đương 	Cuộn	70	
54	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh không cần nước	Chlorhexidine Digluconate 0,5% (v/v); Ethanol 80% (v/v); Isopropyl alcohol (Isopropanol) 7.2% (v/v) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alpha-Terpineol, Alpha-Bisabolol, Aloe Vera, Vitamin E...) vừa đủ 100%. EN1500. Đạt ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Chai	50	
55	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	Hoạt chất : Chlorhexidine Digluconate 4% (w/w) và các chất phụ gia (Alcohol Ethoxylates, Cocamide Diethanolamine (CDE), Cocamidopropyl Betaine (CAB), Glycerine; Vitamin E, Chiết xuất Aloe Vera (Nha đam), hương liệu ..) vừa đủ 100%. EN1500. Đạt ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Chai	90	

56	Cidex OPA	Thành phần ORTHO-PHTHALALDEHYDE 0,55%, Benzotriazole 0,01% và các thành phần khác. pH 7.2 - 7.8. Đạt tiêu chuẩn: EC, ISO 13485, CFS hoặc tương đương	Can	2	
57	Viên nén khử khuẩn các bề mặt cứng	Thành phần: 50% w/w Sodium Dichloroisocyanurate (2,5 gram Sodium Dichloroisocyanurate/ viên 5 gram - tương đương với 1,5 gram Clorin hoạt tính/ viên 5 gram). Đạt ISO 13485:2016	Viên	2.600	
58	Gel siêu âm	Tan trong nước, không có chất ăn mòn, không gây hồng đầu dò, không mùi không chứa chất bảo quản và không gây dị ứng. Độ PH 6.5 – 7.0. Thành phần: Water, Carbomer, Glycerin, Sodium benzoate, coler,..) Đạt ISO 13485:2016	Can	10	
59	Bộ huyết thanh mẫu định nhóm máu ABO Anti A, B, AB	Thuốc thử Spectrum Anti-A, Anti-B, Anti-AB được sử dụng để phát hiện nhóm máu A, B, và AB trong mẫu máu người. Hiệu giá $\geq 1:256$. Độ đặc hiệu 100%, độ nhạy 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. ISO 13485	Bộ	24	

60	Test thử nhanh phát hiện kháng nguyên virus viêm gan B	<p>"Que thử xét nghiệm sắc ký miễn dịch, định tính phát hiện kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B trong mẫu máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương. Thành phần:- Vùng cộng hợp: Kháng thể kháng HBsAg 0,35ug, kháng thể IgG thô 0,233ug- Vạch kết quả: Kháng thể kháng HBsAg 0,514ug- Vạch chứng: Kháng thể IgG dê kháng thô 0,428ug Ngưỡng phát hiện (LOD): 0,92ng/mL- Độ nhạy tương quan: : 100% - Độ đặc hiệu tương quan: 99.7%- Độ chính xác tương quan: 99,8% Không có phản ứng chéo với: yếu tố dạng thấp RF, vi rút viêm gan D, vi rút viêm gan E, vi rút viêm gan G. Không bị gây nhiễu bởi các chất sau: Methydompa, dextran, acetylsalicylic acid, furosemide, indomethacin, nicotinic acid, probenecid, quindine hydrochloride monhydrate, sulfamethoxazole. Đọc kết quả ở phút thứ 10</p>	Test	2.000	
----	--	---	------	-------	--

61	Test thử nhanh phát hiện kháng thể virus viêm gan C	<p>Que thử xét nghiệm miễn dịch định tính, kỹ thuật màng và kháng nguyên kép để phát hiện các kháng thể kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần. Các kháng nguyên tái tổ hợp được mã hóa bởi các gen cho cả protein cấu trúc (nucleocapsid) và không cấu trúc. Que thử chứa hạt phủ kháng nguyên HCV tái tổ hợp bao gồm NS3, NS4, NS5, CORE và kháng nguyên HCV bao gồm NS3, NS4, NS5 và CORE được phủ trên màng- Vùng cộng hợp: Kháng nguyên HCV tái tổ hợp 2 0.073 µg. Vạch kết quả(T): Kháng nguyên HCV tái tổ hợp 1 0.31 µg. Vạch chứng(C): Kháng thể dê kháng chuột IgG 0.41 µg. Hiệu quả chẩn đoán so với phương pháp HCV EIA:- Độ nhạy tương quan: 100% - Độ đặc hiệu tương quan: 99.3%- Độ chính xác tương quan: 99.5%- Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: >99% Không lây nhiễm chéo bởi: Virus gây suy giảm miễn dịch ở người, Virus Herpes simplex-2 IgM, Kháng insulin, Yếu tố dạng thấp Không bị gây nhiễu bởi các chất sau ở nồng độ tương ứng: Acetaminophen 20mg/dl, Sulfamethoxazole 40mg/dl, Ibuprofen 50mg/dl Đọc kết quả ở phút thứ 10 Phân loại BYT: D"</p>	Test	1.200	
----	---	--	------	-------	--

62	Định tính phát hiện kháng thể virus HIV	<p>Que thử xét nghiệm sử dụng để định tính phát hiện kháng thể kháng HIV-1, HIV-2 và nhóm O trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương. Thành phần: - Màng: kháng nguyên HIV tái tổ hợp bao gồm gp41, gp36 và kháng nguyên tái tổ hợp HIV-O. - Lớp cộng hợp: hạt vàng liên hợp với kháng nguyên tái tổ hợp gp41, gp36 và HIV-O. - Vạch kết quả: các kháng nguyên HIV-1 0,408ug, HIV-2 0,272ug, HIV-O 0,138ug. - Vạch chứng: kháng thể dê kháng thể IgG 0,340ug. Ống chống đông máu như heparin, EDTA và sodium citrate không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm. Hiệu quả chẩn đoán so với phương pháp HIV EIA: - Độ nhạy tương quan: 100% - Độ đặc hiệu tương quan: 99,0% - Độ chính xác tương quan: 99,3% - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: >99% Đọc kết quả ở phút thứ 10</p>	Test	2.000	
63	Test thử ma túy 4 trong 1 (MET/THC/AMP/MOP)	<p>Panel thử xét nghiệm định tính Amphetamine, Methamphetamine, Morphine và Marijuana (THC) (Panel thử phát hiện AMP/MET/MOP/THC) 1, MOP: Ngưỡng phát hiện (cut off) 300 ng/ml 2, MET: Ngưỡng phát hiện (cut-off) 1000 ng/ml 3, AMP: Ngưỡng phát hiện (cut-off) 1000ng/ml 4, THC: Ngưỡng phát hiện (cut off) 50 ng/ml Độ nhạy tương quan 100%, Độ đặc hiệu tương quan 100%, Độ chính xác tương quan 100% Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: 100%</p>	Test	2.000	
64	Than hoạt	Than hoạt tính dạng bột mịn. Túi 1 kg	kg	5	

65	Vôi sô đa	Vôi soda dùng hấp thụ khí CO ₂ trong phòng chống độc. Thành phần chính Ca(OH) ₂ , NaOH. Dạng hạt, màu trắng hoặc hồng nhạt. Quy cách đóng gói: can khoảng 4,5 kg.	kg	5	
Phần 8. Khí y tế					
66	Khí Oxy	Khí Oxy y tế. Bình 40 lít; Khí Oxy Y tế dạng khí chứa trong bình chuyên dụng, hàm lượng Oxy ≥ 99,6%, hàm lượng nước thấp ≤ 0.006 mg/lít; và đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc 13485 hoặc tương đương	Bình	300	
67	Khí Oxy	Khí Oxy y tế. Bình 7 lít; Khí Oxy Y tế dạng khí chứa trong bình chuyên dụng, hàm lượng Oxy ≥ 99,6%, hàm lượng nước thấp ≤ 0.006 mg/lít; và đạt tiêu chuẩn sau ISO 9001 hoặc 13485 hoặc tương đương	Bình	80	
Phần 9. Vật tư y tế khác					
68	Găng tay Y tế có bột	Găng tay có bột làm từ cao su tự nhiên, màu trắng tự nhiên có nhám đầu ngón tay, cổ tay gấp. Chiều rộng cỡ XS: 70±10mm; cỡ S: 80±10mm; cỡ M: 95±10mm, cỡ L: 111±10mm. Chiều dài trung bình 240mm. Độ dày ngón tay tối thiểu 0.08mm. Độ dày lòng bàn tay tối thiểu 0.08mm. Đạt ISO 13485:2016	Đôi	36.000	
69	Găng tay sản khoa dài tay các số	Găng tay tiệt khuẩn. Chất liệu: 100% cao su tự nhiên, có phủ bột chống dính. Chiều dài: ≥450mm. Đạt ISO 13485	Đôi	100	
70	Găng tay phẫu thuật	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, Lượng bột: max 80mg/đôi. Lượng protein: max 200µg/dm ² , mức độ nhiễm tĩnh điện dưới 100V, có phân biệt tay phải và tay trái. - Chưa tiệt trùng, Dày 1 lớp 0,15±0,20mm, chiều dài 280 mm, kích cỡ: 6.5; 7.0; 7.5; 8.0 - Đạt ISO 13485; xuất xứ Việt Nam	Đôi	3.000	

71	Lưỡi dao mổ vô trùng các số	Dao sắc. Chất liệu thép không gỉ, tiệt trùng bằng tia Gamma. Các số 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22. Các rãnh dọc lưỡi dao tương thích với mọi loại cán dao mổ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	400	
72	Đầu côn vàng	chất liệu nhựa Polypropylene (PP) y tế cao cấp, dạng hình nón, bề mặt trong siêu nhẵn, 200 µL.	Cái	2.400	
73	Đầu côn xanh	chất liệu nhựa Polypropylene (PP) y tế cao cấp, dạng hình nón, bề mặt trong siêu nhẵn, 1000 µL	Cái	2.400	
74	Điện cực tim	Hình giọt nước. Kích thước 35 mm, tổng bề mặt sản phẩm 1017 mm ² , vùng chất gen 401 mm ² , vùng dán 616 mm ² , vùng phân tử nhậy 78,5 mm ² , độ dày sản phẩm 0,8 mm. Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	200	
75	Giấy điện tim 6 cần	KT 110mm x 140mm x 142 tờ, dùng cho máy điện tim	Tệp	120	
76	Giấy in siêu âm	kích thước 110mm x 20 m, bảo quản từ 5-30°C. Sử dụng được cho máy siêu âm.	Cuộn	240	
77	Khẩu trang y tế 4 lớp	Khẩu trang giấy kháng khuẩn 4 lớp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Cái	5.000	
78	Mũ giấy đã tiệt trùng	Mũ giấy đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Cái	2.000	

79	Nhiệt kế thủy ngân	Được làm từ thủy tinh trong suốt, bên trong có vạch chia độ và dải thủy ngân. Nhiệt độ đo được tối đa 35-42°C	Cái	120	
80	Đồng hồ Oxy	Chai tạo ẩm: 200ml - Áp suất đầu vào: 15 Mpa. Chuẩn đầu vào: CGA540 - Lưu lượng điều chỉnh: 0-15 L/phút - Áp suất đầu ra: 0,2-0,3 Mpa	Cái	20	
81	Bóng bóp các cỡ	Chất liệu: nhựa PVC, bao gồm quả bóp bóng; mặt nạ bơm hơi có van an toàn, các cỡ người lớn, trẻ em, trẻ sơ sinh. Có thể tái sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Cái	5	
Phần 10. Hóa chất vật tư sử dụng cho máy sinh hóa BS-240Pro					

82	Hoá chất xét nghiệm định lượng Urea	<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea trong huyết tương/ huyết thanh và nước tiểu người trên máy sinh hóa; Dải đo: huyết thanh/huyết tương 10-300 mg/dL (1.67-49.95 mmol/L), nước tiểu 200-6000 mg/dL (33-999 mmol/L) Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.60 (37°C) -Anpha-Ketoglutarate: 9 mmol/L -Urease: \geq 8100 U/L -GIDH: \geq 1350 U/L -Sodium azide: <0.1% Hóa chất 2: R2 -NADH: 1.3 mmol/L -Sodium azide: <0.1% Chất chuẩn: - Urea: 50 mg/dL (8.33 mmol/L)</p>	Hộp	24	
83	Hoá chất xét nghiệm định lượng Glucose	<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose trên máy sinh hóa; dải đo: 20-400 mg/dL (1.11 - 22.20 mmol/L) Thành phần gồm: Hóa chất: R - Phosphate buffer, pH 7.4 - Phenol: 10 mmol/L - 4-aminoantipyrine: 0.3 mmol/L - Peroxidase: \geq 700 U/L - Glucose oxidase: \geq 10000 U/L - Sodium azide: <0.1% Chất chuẩn Std - D-glucose: 100 mg/dL (5.55 mmol/L)</p>	Hộp	14	

84	Hoá chất xét nghiệm định lượng Creatinine	<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine mẫu huyết thanh người trên máy sinh hóa; dải đo: 0.5-15 mg/dL (44-1326 $\mu\text{mol/L}$)Thành phần gồm:Hóa chất 1: R1- Picric acid 8.73 mmol/LHóa chất 2: R2- Sodium hydroxide: 312.5 mmol/L- Disodium phosphate 12.5 mmol/LChất chuẩn: Std- Creatinine: 2 mg/dL (177$\mu\text{mol/L}$)</p>	Hộp	24	
85	Hoá chất xét nghiệm định lượng Acid Uric	<p>*Hóa chất xét nghiệm định lượng acid Uric trong huyết tương/ huyết thanh và nước tiểu người trên máy xét nghiệm hóa sinh. *Dải đo: Huyết thanh/huyết tương: 1,5-25 mg/dL; Nước tiểu: 5-250 mg/dL *Thành phần: Hóa chất R: - Buffer, pH 7.0 (20-25°C) - EHSPT: 0.72 mmol/L - Amino- 4- antipyrine: 0.37 mmol/L - Uricase: ≥ 150 U/L - Peroxidase: ≥ 12000 U/L - Sodium azide: $<0.1\%$ Chất chuẩn Std: - Uric acid: 6 mg/dL (357 $\mu\text{mol/L}$) - Sodium azide: $<0.5\%$</p>	Hộp	4	

86	Hoá chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Total	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Total mẫu huyết thanh/huyết tương người trên máy sinh hóa; dải đo: 0.25-25 mg/dL (4.3-427.6 $\mu\text{mol/L}$) Hóa chất 1: R1.-Sulfanilic acid: 29 mmol/L-Cetrimide: 29 mmol/L Hóa chất 2: R2 -Sodium nitrite: 11 mmol/L	Hộp	2	
87	Hoá chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Direct	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Direct mẫu huyết thanh/huyết tương người trên máy sinh hóa; dải đo: 0.08-10.55 mg/dL (1.4-180.4 $\mu\text{mol/L}$) Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1. -Sulfanilic acid: 29 mmol/L Hóa chất 2: R2 -Sodium nitrite: 11 mmol/L	Hộp	2	
88	Hoá chất xét nghiệm định lượng total Protein	Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein toàn phần trong huyết tương/ huyết thanh người trên máy sinh hóa; Dải đo: 0.2-12 g/dL (2-120 g/L) Thành phần gồm: Hóa chất: R -Copper sulfate: 6 mmol/L -Sodium hydroxide: 490 mmol/L Cũng chứa iodide và muối tartrate cho hiệu suất tối ưu Chất chuẩn: Std -Albumin 6 g/dL -Sodium azide: <0.1%	Hộp	30	

89	Hoá chất xét nghiệm định lượng Albumin	<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin trên máy sinh hóa; dải đo: 1,6-6 g/dL (16 - 60 g/L)Thành phần gồm:Hóa chất: R - Succinate buffer, pH 4.20 - Bromocresol green: 0.2 mmol/L- SurfactantChất chuẩn: Std -Albumin: 3.5 g/dL (35 g/L) - Sodium azide: < 0.1%</p>	Hộp	30	
90	Hoá chất xét nghiệm định lượng Cholesterol	<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol trên máy sinh hóa; dải đo: 20 - 600 mg/dL (0.52-15.52 mmol/L) Thành phần gồm: Hóa chất: R - Good's buffer, pH 6.7 - Phenol: 24 mmol/L - Cholesterol esterase: ≥ 180 U/L - Cholesterol oxidase : ≥ 200 U/L - Peroxidase : ≥ 1000 U/L - 4-aminoantipyrine: 0.5 mmol/L- Sodium azide: < 0.1% Chất chuẩn: Std - Cholesterol: 200mg/dL</p>	Hộp	7	

91	Hoá chất xét nghiệm định lượng Triglycerid	<p>*Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides trong huyết tương/huyết thanh người trên máy xét nghiệm hóa sinh* Dải đo 30-1000 mg/dL (0.34-11.30 mmol/L)*Thành phần: Hóa chất R- Good's buffer, pH 7.0- P- chlorophenol: 2.7 mmol/L- ATP: 3.15 mmol/L- Amino- 4- antipyrine: 0.31 mmol/L- Lipoprotein lipase: ≥ 2000 U/L- Glycerol kinase: ≥ 500 U/L- Glycerol- 3- phosphate oxidase: ≥ 4000 U/L- Peroxidase: ≥ 500 U/L- Sodium azide: $<0.1\%$ Chất chuẩn: Std- Glycerol (tương tự triglycerides) 200 mg/dL- Sodium azide: $<0.1\%$</p>	Hộp	7	
----	--	---	-----	---	--

92	Hoá chất xét nghiệm định lượng GOT	<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT trên máy sinh hóa; dải đo: 10-450 U/L</p> <p>Thành phần gồm:</p> <p>Hóa chất 1: R1</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tris buffer, pH 7.8 -L-aspartate: 330 mmol/L -LDH: ≥ 2000 U/L -MDH: ≥ 1000 U/L -Sodium azide: $<0.1\%$ <p>Hóa chất 2: R2</p> <ul style="list-style-type: none"> -Alpha-ketoglutarate: 78 mmol/L -NADH: 1.1 mmol/L -Sodium azide: $<0.1\%$ 	Hộp	24	
93	Hoá chất xét nghiệm định lượng GPT	<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT trên máy sinh hóa; dải đo: 10-450 U/L</p> <p>Thành phần gồm:</p> <p>Hóa chất 1: R1</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tris buffer, pH 7.5 -L-alanine: 680 mmol/L -LDH: ≥ 2000 U/L -Sodium azide: $<0.1\%$ <p>Hóa chất 2: R2</p> <ul style="list-style-type: none"> -Alpha-ketoglutarate: 97 mmol/L -NADH: 1,1 mmol/L -Sodium azide: $<0.1\%$ 	Hộp	24	

94	Hoá chất xét nghiệm định lượng Amylase	<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng Amylase trên máy sinh hóa; dải đo: 20-1500 U/L</p> <p>Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Good's buffer, pH 6.15 - CNP-G₃: 2,27 mmol/L - Sodium azide: <0,1% - Cũng chứa calcium và muối chloride, cũng như potassium thiocyanate cho hiệu suất tối ưu 	Hộp	4	
95	Elical 2	<p>Hoá chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm hóa sinh liệt kê trong trong bảng giá trị đi kèm;</p> <p>Quy cách: 4 x 3 ml/hộp</p> <p>Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huyết thanh người đông khô có sử dụng các chất phụ gia hóa học/ sinh học. - Sodium azide < 0.1% - Nồng độ của chất phân tích đặc trưng theo từng lô. 	Hộp	12	
96	Elitrol I	<p>Hoá chất kiểm chuẩn cho kết quả xét nghiệm mức 1 cho các xét nghiệm hóa sinh liệt kê trong bảng giá trị đi kèm; Quy cách: 10 x 5 ml/hộp</p> <p>Thành phần: - Huyết thanh người đông khô có sử dụng các chất phụ gia hóa học/ sinh học.- Nồng độ của từng chất phân tích để kiểm tra cụ thể theo từng lô.</p>	Hộp	7	

97	Elitrol II	<p>Hoá chất kiểm chuẩn cho kết quả xét nghiệm mức 2 cho các xét nghiệm hóa sinh liệt kê trong bảng giá trị đi kèm; Quy cách: 10 x 5 ml/hộp Thành phần: - Huyết thanh người đông khô có sử dụng các chất phụ gia hóa học/ sinh học. - Nồng độ của từng chất phân tích để kiểm tra cụ thể theo từng lô.</p>	Hộp	7	
98	Nước rửa dùng cho máy sinh hoá System Solution	<p>Dung dịch dùng để rửa kim và cuvette của máy xét nghiệm hóa sinh. Quy cách: SOL : 1 x 1 L Thành phần: - Sodium azide < 0.1 % - Cũng chứa chất hoạt động bề mặt.</p>	Chai	7	
99	Nước rửa dùng cho máy sinh hoá	<p>*Dung dịch rửa hệ thống máy xét nghiệm sinh hóa tự động * Quy cách: 1 lít/hộp *Thành phần: Dung dịch sodium hypoclorit có tính kiềm</p>	Can	14	
100	Cuvet dùng cho máy sinh hoá	Cuvet dùng cho máy sinh hoá	Hộp	9	
101	Bóng đèn dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Bóng đèn dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Cái	14	

	Phần 11: Hóa chất, vật tư tương thích với máy huyết học Mythic 18				
102	Dung dịch pha loãng	<p>*Là dung dịch đẳng trương dùng để pha loãng mẫu máu trước khi xét nghiệm và để duy trì môi trường thích hợp trong quá trình xét nghiệm trên máy phân tích huyết học. Dùng kèm với hóa chất ly giải, dung dịch rửa.</p> <p>*Thành phần: chứa axit boric.</p> <p>*Các thành phần hoạt động trong hóa chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất bảo quản 0.0003% - Đệm - Natri clorua - chelator ion kim loại - Natri sunfat 	Thùng	19	
103	Dung dịch ly giải	<p>*Dung dịch dùng để ly giải hồng cầu để giải phóng hemoglobin để dùng trong các xét nghiệm hemoglobin xa hơn trên máy phân tích huyết học. Nó chuẩn bị quá trình cho phân tích các thành phần bạch cầu.</p> <p>Dùng kèm với dung dịch rửa và diluent.</p> <p>*Chứa các chất hoạt động bề mặt có tác dụng ly giải các tế bào hồng cầu và các chất bảo vệ bạch cầu giúp bảo vệ trạng thái của bạch cầu để cho phép sự biệt hóa các thành phần bạch cầu.</p> <p>*Các thành phần hoạt động trong hóa chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Muối amoni bậc bốn 2.25% - Kali clorua - Imidazole - Chất ổn định 	Chai	24	

104	Dung dịch rửa hệ thống	<p>*Dung dịch dùng để làm sạch định kỳ và khẩn cấp hệ thống đo của máy phân tích huyết học. *Nó là một dung dịch đậm đặc của hypoclorit dùng để làm sạch oxy hóa chuyên sâu, tráng và rửa hệ thống đo của máy phân tích huyết học, được sử dụng để loại bỏ cặn lắng hình thành từ các mẫu được xét nghiệm. *Thành phần: chứa natri hypoclorit. *Các thành phần hoạt động trong hóa chất: - Active chlorine - Natri Hidroxit- Chất ổn định- Natri clorua</p>	Chai	29	
105	Dung dịch enzym rửa	<p>*Dung dịch nhằm loại bỏ các chất còn sót lại của vật liệu sinh học khỏi hệ thống đo của máy phân tích huyết học. *Chứa các chất hoạt động bề mặt và một loại enzyme có thể hòa tan và loại bỏ các hạt hữu cơ lớn. Dùng kèm với hóa chất ly giải, diluent. *Thành phần: có chứa axit boric. *Các thành phần hoạt động trong hóa chất: - BRIJ 35: 0.25 % - EMPIGEN BB: 0.09 % - EVERIS PRECISE: 0.02 % - Natri clorua - Đệm - Chất ổn định - Chất bảo quản</p>	Chai	9	

106	Hoá chất kiểm chuẩn	<p>*Hóa chất kiểm chuẩn cho máy xét nghiệm huyết học tự động hoặc bán tự động dùng nguyên lý trở kháng.</p> <p>*Thành phần: erythrocyte người, leukocytes và tiểu cầu động vật có vú trong môi trường giống huyết tương cùng chất bảo quản.</p>	Lọ	24	
Phần 12. Hóa chất sử dụng máy xét nghiệm đông máu HumaClot Junior					
107	Hóa chất xét nghiệm Prothrombin Time (PT)	<p>Hóa chất HEMOSTAT THROMBOPLASTIN-SI (PT-SI) dùng để xác định Prothrombin Time (PT) bằng phương pháp thủ công hoặc tự động. PT-SI có thể được sử dụng để xét nghiệm các yếu tố đông máu trong các con đường đông máu ngoại sinh và con đường chung.</p> <p>Thành phần gồm có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoá chất Thromboplastin (dạng đông khô) chứa Chiết xuất não thỏ > 10%, Sodium azide < 0,01% - Đệm CaCl₂ chứa Sodium azide < 0,01% 	Hộp	9	
108	Bộ hóa chất xét nghiệm aPTT	<p>Bộ hóa chất xét nghiệm aPTT sử dụng chất hoạt hóa axit Ellagic, dùng để xác định thời gian Thromboplastin một phần hoạt hóa (aPTT) bằng phương pháp thủ công và tự động.</p> <p>Thành phần gồm có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoá chất 1 (6x4ml): Hóa chất aPTT-EL: Cephalin não thỏ < 1.0%, ellagic acid, sodium azide < 0,01%; - Hóa chất 2 (6x4ml): Dung dịch CaCl₂ 0,02 mol/l, sodium azide < 0,01%, muối và chất ổn định. 	Hộp	9	

109	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen dùng xác định Fibrinogen trong huyết tương bằng phương pháp thủ công và tự động. Thành phần gồm có: - Hóa chất Fibrinogen dạng đông khô 5x2ml, thành phần: thrombin người 80 - 100 IU/ml, sodium azide < 0,01%. - Dung dịch đệm Imidazole Buffered Saline 1x100mL, pH 7.4 ± 0.2, thành phần: imidazole 0,05mol/l, đệm và chất ổn định.- Chất chuẩn: Fibrinogen huyết tương tham chiếu (dạng đông khô) 2x1mL, thành phần: huyết tương người, sodium azide < 0,01%.	Hộp	9	
110	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm đông máu mức bất thường	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để theo dõi hiệu suất các xét nghiệm đông máu thường quy mức bất thường. Hộp 6x1ml gồm có: Huyết tương người dạng đông khô, sodium azide < 0.01% .	Hộp	9	
111	Cuvet cho máy đông máu bán tự động	Cuvet cho máy đông máu bán tự động	Hộp	9	

	Phần 15: Hóa chất, vật tư tương thích với máy điện giải EasyLyte				
112	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Na, K, Ca, Cl, Li	<p>*Pack EasyLyte Na / K / Cl / Ca / Li Solutions Pack sử dụng cho việc xác định định lượng của các ion Natri (Na +), Kali (K +), Clorua (Cl⁻), Canxi (Ca ++) và Lithium (Li +) trong huyết thanh, huyết tương người, máu toàn phần và nước tiểu (kết quả nước tiểu chỉ có thông số Na +, K + và Chỉ Cl⁻) bằng máy xét nghiệm điện giải EasyLyte.*Thành phần: Standard A Solution, 800mL: 140.0 mmol/L Na⁺; 4.0 mmol/L K⁺; 125.0 mmol/L Cl⁻; 1.25 mmol/L Ca⁺⁺; 1.00 mmol/L Li⁺; Buffer; Chất bảo quản; Wetting AgentStandard B Solution, 180mL: 35.0 mmol/L Na⁺; 16.0 mmol/L K⁺; 41.0 mmol/L Cl⁻; 2.50 mmol/L Ca⁺⁺; 0.40 mmol/L Li⁺; Buffer Chất bảo quản; Wetting AgentWash Solution, 80mL0.1 mol/L Ammonium bifluorideWaste Container</p>	Hộp	19	

113	Dung dịch rửa máy xét nghiệm điện giải	Dung dịch làm sạch hàng ngày để loại bỏ các cặn protein trên các máy xét nghiệm hãng Medica/Mỹ (Có Ammonium Biflouride) Thành phần 1 hộp gồm: - Daily Cleaner Diluent- Pha loãng rửa hàng ngày: 1 lọ 90 ml HCl (0.2 N), NH ₅ F ₂ (0.05N) và muối. - Daily Cleaner Powder - Chất rửa hàng ngày dạng bột: 6 lọ, pepsin 0.5g	Hộp	14	
114	Điện cực Na	- Điện cực Na dùng được cho máy xét nghiệm điện giải	Cái	4	
115	Điện cực K	- Điện cực K dùng được cho máy xét nghiệm điện giải	Cái	4	
116	Điện cực Ca	- Điện cực Ca dùng được cho máy xét nghiệm điện giải	Cái	4	
117	Điện cực Cl	- Điện cực Cl dùng được cho máy xét nghiệm điện giải	Cái	4	

118	Điện cực tham chiếu	- Điện cực tham chiếu dùng được cho máy xét nghiệm điện giải	Cái	4	
119	Đường ống bơm và ống mẫu máy điện giải	Hộp gồm: 1 đường ống bơm, 1 đường ống mẫu và 1 đường ống mẫu ngắn. Dùng cho máy điện giải EasyLyte	Hộp	4	
120	Giấy in máy điện giải Easy lyte Expand Na/K/Ca/Cl/Li	Giấy in máy điện giải Easy lyte	Cuộn	48	
	Phần 13: Hóa chất, vật tư tương thích với máy miễn dịch Ichroma II				

121	Test định lượng HbA1C	<p>*Bộ hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng HbA1c (Hemoglobin A1c) trong máu toàn phần của người.*Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch sandwich*Thành phần gồm: - Cartridge chứa màng được gọi là dải xét nghiệm, mà kháng HbA1c người ở vạch xét nghiệm và IgG của thỏ ở vạch kiểm soát.- Bộ đệm phát hiện chứa chất liên hợp huỳnh quang A0 chống hemoglobin người, chất liên hợp huỳnh quang IgG từ dê kháng thỏ, albumin huyết thanh của bò (BSA) như một chất ổn định và natri azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm phosphat (PBS).- Dung dịch đệm tán huyết chứa tween 20 và sodium azide như một chất bảo quản trong nước muối đệm phosphat (PBS)*Dải làm việc: NGSP (%): 4-15 %</p>	Test	600	
-----	-----------------------	--	------	-----	--

122	Test định lượng β -HCG	<p>*Bộ hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang để định lượng β-hCG tổng trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương người.</p> <p>*Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch sandwich</p> <p>*Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cartridge chứa peptide liên hợp kháng thể kháng hCG và IgG-hCG chuột ở vạch phản ứng và streptavidin ở vạch chứng. - Ống phát hiện chứa liên hợp huỳnh quang biotin-BSA, liên hợp huỳnh quang kháng human chorionic gonado tropin, albumin huyết thanh bò (BSA) và sodium azide trong PBS. - Dung dịch pha loãng phát hiện chứa BSA, Tween20 và sodium azide trong PBS. - Dung dịch pha loãng mẫu chứa sodium azide trong đệm PBS. <p>*Phạm vi đo: 5-50,000 mIU/mL</p>	Test	240	
-----	------------------------------	---	------	-----	--

123	Test định lượng CRP	<p>*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng CRP trong máu toàn phần/huyết thanh/huyết tương người. *Nguyên lý đo: Phương pháp xét nghiệm miễn dịch sandwich*Thành phần gồm:- Cartridge chứa màng được gọi là dải xét nghiệm có kháng CRP người ở vạch xét nghiệm và streptavidin ở vạch kiểm soát. - Bộ đệm phát hiện chứa liên hợp huỳnh quang kháng CRP người, liên hợp huỳnh quang BSA-biotin, albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định và sodium azide trong muối đệm photphat (PBS) làm chất bảo quản.*Dải làm việc: 2.5-300 mg/L</p>	Test	240	
124	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng HbA1c	<p>*Boditech HbA1c Control được thiết kế để sử dụng trong chẩn đoán in vitro trong việc kiểm soát chất lượng của bộ kit xét nghiệm HbA1c Assay Kit. Dạng đông khô. *Thành phần: Boditech HbA1c Control bao gồm 'Boditech HbA1c Control level 1', 'Boditech HbA1c Control level 2', 'Hướng dẫn sử dụng' và 'Barcode Sheet'. - Control có chứa HbA1c stock và huyết thanh ngựa</p>	Hộp	2	
125	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng CRP	<p>*Boditech CRP Control được thiết kế để sử dụng trong chẩn đoán in vitro trong việc kiểm soát chất lượng của Bộ kit xét nghiệm CRP Assay Kit. Dạng lỏng. *Thành phần: Boditech CRP Control bao gồm 'Boditech CRP Control level 1', 'Boditech CRP Control level 2', 'Hướng dẫn sử dụng' và 'Barcode Sheet'. - Kiểm chuẩn control chứa kháng nguyên CRP stock và huyết thanh ngựa</p>	Hộp	2	

	Phần 15. Hoá chất vật tư dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu Pocketchem UA-4010				
126	Que thử nước tiểu tương thích (11 thông số)	Đo các chỉ số : Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose, Ascorbic Acid (LEU/ NIT/ URO/ PRO/ pH/ BLO/ SG/ KET/ BIL/ GLU/ ASC)	Hộp	120	
127	Que xét nghiệm nước tiểu 10 thông số	Que thử nước tiểu 10 thông số: Glucose, Protein, Bilirubin, Urobilinogen, pH, Trọng lượng riêng, Blood, Ketones, Nitrite, Leukocytes, tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm nước tiểu của hãng Arkray, tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm nước tiểu của hãng Arkray	Hộp	70	
128	Giấy in nhiệt tương thích với máy nước tiểu Pocketchem UA-4010	Giấy in nhiệt tương thích với máy nước tiểu	Cuộn	100	
129	Giấy in nhiệt tương thích với máy nước tiểu Mission U120	Giấy in nhiệt tương thích với máy nước tiểu	Cuộn	80	

